

NGHỊ QUYẾT

đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Thời gian qua, thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, công tác CCHC của tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được nghiêm túc triển khai thực hiện, từng bước đi vào nền nếp, cơ bản đáp ứng và giải quyết tốt các giao dịch hành chính đối với tổ chức, cá nhân. Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh đã công bố, chuẩn hóa, ban hành mới 2.087 TTHC, sửa đổi, bổ sung, thay thế 114 TTHC, bãi bỏ 152 TTHC; cắt giảm từ 20% đến 50% thời gian và từ 2,49% đến 73% chi phí khi thực hiện TTHC; Bộ phận một cửa tiếp nhận TTHC của các cơ quan, đơn vị được thực hiện hiệu quả thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh. Ban hành một số chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư và các bộ chỉ số CCHC các cấp. Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của các cơ quan hành chính nhà nước được sắp xếp, bố trí theo vị trí việc làm, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Các chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chỉ số CCHC (PAR INDEX); chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index) được cải thiện. Mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước các cấp với người dân, doanh nghiệp và nền hành chính thực hiện phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt; TTHC ở một số nơi, một số khâu còn rườm rà; nhiều hồ sơ TTHC liên quan đến đất đai, môi trường, đầu tư giải quyết chưa

đảm bảo, gây khó khăn, ách tắc. Đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn diễn ra. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 chưa đạt yêu cầu chung của cả nước. Kết quả chỉ số PCI, PAR INDEX không đạt mục tiêu đã đề ra; chỉ số SIPAS, PAPI được cải thiện nhưng chưa ổn định.

Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là nguyên nhân chủ quan: Người đứng đầu một số ngành, địa phương, đơn vị thiếu quyết tâm, quyết liệt, chậm đổi mới sáng tạo, chưa xác định công tác CCHC là nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước còn hạn chế. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ của một số ngành, lĩnh vực chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Cơ sở dữ liệu, liên thông, số hóa, chia sẻ dữ liệu chưa đầy đủ, đồng bộ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC có mặt còn hạn chế. CCHC chưa thực sự gắn với đánh giá, xếp loại, khen thưởng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Nguồn lực đầu tư cho công tác CCHC chưa đảm bảo theo yêu cầu đặt ra.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục trong chỉ đạo, điều hành của cả hệ thống chính trị, là một trong những đột phá để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và sự phát triển của địa phương.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp; xác định, quy định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Phát huy trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của các cơ quan đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, cơ quan truyền thông, báo chí và Nhân dân trong công tác CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Đẩy mạnh CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Đổi mới, khuyến khích tính tự chủ, ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) trong CCHC. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong công tác CCHC.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cao chất lượng thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đến năm 2025, phấn đấu xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh năng động về môi trường kinh doanh và đầu tư.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025 đạt được:

- Tiếp tục giữ vững 100% TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã¹ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã. TTHC được rà soát, đơn giản hóa; cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định. Tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn hàng năm đạt từ 99% trở lên.

- 100% TTHC có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trong đó, ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Phấn đấu đạt tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Hoàn thành 100% các nội dung về chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Chỉ số PCI thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành khá của cả nước; chỉ số PAR INDEX và PAPI thuộc nhóm 20 các tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

¹ Bao gồm TTHC của các cơ quan ngành dọc đã được phê duyệt theo Quyết định số 1291/QĐ/TTg, ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các TTHC đặc thù đã được phê duyệt thực hiện theo hình thức khác của cấp có thẩm quyền).

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Nâng cao hiệu quả cải cách thể chế

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong áp dụng, triển khai và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh trong thực hiện; thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và điều chỉnh các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, các loại hình sản xuất thông minh, các loại hình phát triển kinh tế sáng tạo, thu hút nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư, nhất là các chính sách hỗ trợ đặc thù, cạnh tranh để thu hút các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn đa quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các thành phần kinh tế.

Các ngành, địa phương, đơn vị, cụ thể hóa chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, Nhà nước, của tỉnh bằng những quy định cụ thể cho người dân và doanh nghiệp, phát huy tối đa quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia bàn và quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương; tuyên truyền và hướng dẫn để Nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn.

3.2. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp

Tập trung cải cách TTHC trên lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, tư pháp; rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền đơn giản hóa TTHC, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số để cải tiến mọi quy trình, thủ tục của các cơ quan hành chính. Giải quyết TTHC trên môi trường điện tử (*bao gồm cả giải quyết TTHC không theo địa giới hành chính*); chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi trên môi trường mạng; số hóa kết quả TTHC. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc và cơ quan chuyên môn trong giải quyết TTHC.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã cho phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh. Thực hiện việc người dân, doanh nghiệp chấm điểm M-Score tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Quy định danh mục thủ tục hành chính đưa vào

Công thông tin điện tử của tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia; tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận đưa vào phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đối với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã, nhất là đối với các xã mới sáp nhập, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực hiện chuyển đổi số để thực hiện chính quyền số. Nghiên cứu đề xuất xây dựng Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh. Thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cơ chế quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN.

Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân, theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết theo thẩm quyền đúng quy định.

Hàng năm, lấy ý kiến nhận xét của các doanh nghiệp về mức độ hài lòng trong giải quyết các thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước.

3.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định, đảm bảo cụ thể, rõ ràng, không trùng lặp, chồng chéo, giảm đầu mối trực thuộc, giảm trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, hoạt động thiếu hiệu lực, hiệu quả. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm theo quy định của pháp luật.

Kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND cấp xã, nhất là các xã, thị trấn mới sáp nhập theo Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xây dựng chính quyền địa phương phù hợp với khu vực nông thôn, đô thị, huyện đảo theo quy định.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc và công tác chỉ đạo, điều hành, định kỳ khảo sát, đánh giá để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, cải thiện chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp và người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

3.4. Cải cách chế độ công vụ, xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và sáng tạo

Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo yêu cầu trong tình hình mới. Đổi mới phương pháp, lượng hóa các tiêu chí đánh giá, phân loại cán

bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu, từng bước thực hiện việc sát hạch cán bộ, công chức, viên chức định kỳ.

Có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao theo ngành, lĩnh vực; trong đó, hướng tới xây dựng nguồn nhân lực có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; phát huy vai trò giám sát, phản ánh thông tin của người dân và doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong tổ chức thực hiện CCHC, thực thi công vụ; phát hiện và xử lý nghiêm trường hợp sai phạm.

3.5. Nâng cao hiệu quả cải cách tài chính công

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm, kết nối trong vùng, giữa các địa phương, với trung tâm kinh tế của các tỉnh và cả nước tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển nhanh, bền vững.

Tập trung thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế, chính sách phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và thúc đẩy, đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.

Quản lý hiệu quả tài sản công. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa, xây dựng lộ trình chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ từng phần, nhất là đối với các đơn vị trường học, khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (*giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ*); chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

3.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử và đô thị thông minh

Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh, đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với CCHC; thực hiện TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

Phát triển hạ tầng số; nền tảng và hệ thống số; dữ liệu số; ứng dụng, dịch vụ nội bộ, trọng tâm đầu tư phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng truyền dẫn, hệ thống dữ liệu để đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng đô thị, thành phố thông minh. Khai thác, vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh; các mô hình đô thị thông minh tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị có đủ điều kiện triển khai.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp quán triệt Nghị quyết đến tận cán bộ, đảng viên và phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy biết, chỉ đạo.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết và kịp thời báo cáo, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- HĐND, UBND tỉnh,
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Lê Quang Tùng